



**KẾ HOẠCH THU PHÍ THEO THÁNG - KHỐI 7**  
**HỌC KỲ I - NĂM HỌC 2025 - 2026**  
**(Đính kèm Thông báo số 5/ TB-NTT ngày 06/10/2025 của Trường THCS Nguyễn Thị Thập)**

STT	Mô tả chi tiết các khoản thu và mức thu đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục (theo phụ lục 1 đính kèm công văn 1568/UBND-VHXH ngày 26/9/2025)	Số tiền	Tháng 9/2025 (17 ngày còm)			Tháng 10/2025 (23 ngày còm)			Tháng 11/2025 (19 ngày còm đã trừ ngày 20/11)			Tháng 12/2025 (16 ngày còm dự kiến trừ 7 ngày thì)						
			Lớp Tích hợp	Lớp Bán trú-TCTA	Lớp Bán trú	Lớp 01 buổi	Lớp Tích hợp	Lớp Bán trú-TCTA	Lớp Bán trú	Lớp 01 buổi	Lớp Tích hợp	Lớp Bán trú-TCTA	Lớp Bán trú	Lớp 01 buổi				
1	Chi phí tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú	130.000 đồng/tháng	130.000	130.000	130.000	130.000	130.000	130.000	130.000	130.000	130.000	130.000	130.000					
2	Chi phí tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú	28.500 đồng/tháng	28.500	28.500	28.500	28.500	28.500	28.500	28.500	28.500	28.500	28.500	28.500					
3	Dịch vụ tiện ích ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số (giải pháp quản lý trường học thông minh, an toàn, PM học trực tuyến...)	56.000 đồng/tháng	56.000	56.000	56.000	56.000	56.000	56.000	56.000	56.000	56.000	56.000	56.000					
<b>II Các khoản thu dịch vụ khác trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo (theo phụ lục 2 đính kèm công văn 1568/UBND-VHXH ngày 26/9/2025)</b>																		
<b>A Các khoản thu tổ chức chương trình nhà trường:</b>																		
1	Tiền tổ chức các lớp học theo Đề án "Nâng cao năng lực, kiến thức, kỹ năng ứng dụng Tin học cho học sinh phổ thông Thành phố Hồ Chí Minh theo định hướng chuẩn quốc tế, giai đoạn 2021-2030" (IC3)	170.000 đồng/tháng	170.000	170.000	170.000	170.000	170.000	170.000	170.000	170.000	170.000	170.000	170.000					
2	Tiền tổ chức dạy tăng cường Ngoại ngữ	69.000 đồng/tháng	-	69.000	-	-	69.000	-	-	69.000	-	-	69.000					
3	Tiền tổ chức học Ngoại ngữ với người nước ngoài (2 tiết/tuần)	230.000 đồng/tháng	-	230.000	230.000	-	230.000	230.000	-	230.000	230.000	-	230.000					
4	Tiền tổ chức các lớp học theo Đề án "Dạy và học các môn Toán, Khoa học và Tiếng anh tích hợp Chương trình Anh và Việt Nam"	3.600.000 đồng/tháng	CM/HS sẽ chuyển khoản cho EM/G: 3.600.000 đồng x 3 tháng = 10.800.000 đồng/quý; 1 năm học đóng 3 lần vào các tháng 9/2025, tháng 12/2025 và tháng 3/2026															
5	Tiền tổ chức dạy các lớp nâng cao, nghệ thuật, thể dục tự chọn, cầu lạc bộ (Bóng đá, bóng chuyền, đá cầu,...)	69.000 đồng/tháng	69.000	69.000	69.000	69.000	69.000	69.000	69.000	69.000	69.000	69.000	69.000					
6	Tiền tổ chức dạy Kỹ năng sống	80.000 đồng/tháng	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000					
7	Tiền tổ chức Giáo dục Stem (Học 1 tiết/tuần)	90.000 đồng/tháng	90.000	90.000	90.000	90.000	90.000	90.000	90.000	90.000	90.000	90.000	90.000					
<b>B Các khoản thu tổ chức dịch vụ khác cho cá nhân học sinh:</b>																		
1	Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú	170.000 đồng/năm	-	-	-	170.000	-	-	-	-	-	-	-					
2	Tiền học phẩm - học cụ - học liệu/Học phẩm (Giấy kiểm tra - Đề kiểm tra)	50.000 đồng/năm	-	-	-	-	-	-	-	50.000	-	-	-					
3	Tiền suất ăn trưa bán trú	35.000 đồng/ngày	595.000	595.000	595.000	595.000	595.000	595.000	595.000	595.000	595.000	595.000	595.000					
4	Tiền nước uống	17.000 đồng/tháng	17.000	17.000	17.000	17.000	17.000	17.000	17.000	17.000	17.000	17.000	17.000					
5	Tiền Bảo hiểm y tế học sinh. (Mức giá đã được nhà nước hỗ trợ 50%: Giá trị sử dụng 1/1/2026 đến 31/12/2026)	631.800 đồng/năm	631.800	631.800	631.800	631.800	631.800	631.800	631.800	631.800	631.800	631.800	631.800					
<b>TỔNG CỘNG</b>			1.867.300	2.166.300	2.097.300	733.300	1.615.500	1.914.500	1.845.500	101.500	1.355.500	1.654.500	1.585.500	151.500	1.200.500	1.499.500	1.430.500	101.500

Ghi chú:

- Thiết bị vật dụng bán trú: Thu cả năm - Thu vào tháng 10/2025
- Học phẩm (Giấy thi, đề kiểm tra, đề thi): Thu cả năm - Thu vào tháng 11/2025
- Các mục sẽ thay đổi cụ thể như sau:
  - Tiền học các chương trình Kỹ năng sống, STEM, năng khiếu, tiếng Anh với Giáo viên nước ngoài sẽ được điều chỉnh tùy theo thực tế học (ví dụ: Nghỉ để thi kiểm tra học kỳ 1)
  - Số tiền suất ăn trên kế hoạch là số ngày dự kiến và sẽ được điều chỉnh tùy theo tình hình thực tế hàng tháng





**KẾ HOẠCH THU PHÍ THEO THÁNG - KHỐI 8**  
**HỌC KỲ I - NĂM HỌC 2025 - 2026**  
*(Đính kèm Thông báo số 54 /TB-VTT ngày 06/10/2025 của Trường THCS Nguyễn Thị Thập)*

STT	Mô tả chi tiết	Số tiền	Tháng 9/2025 (17 ngày csm)			Tháng 10/2025 (23 ngày csm)			Tháng 11/2025 (19 ngày csm đã trừ ngày 20/11)			Tháng 12/2025 (16 ngày csm dự kiến trừ 7 ngày th)						
			Lớp Tích hợp	Lớp Bán trú-CTA	Lớp Bán trú	Lớp 02 buổi	Lớp Tích hợp	Lớp Bán trú-CTA	Lớp Bán trú	Lớp 02 buổi	Lớp Tích hợp	Lớp Bán trú-CTA	Lớp Bán trú	Lớp 02 buổi				
I	<b>Các khoản thu nước thu đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục (theo phụ lục 1 đính kèm công văn 1568/UBND-VHXH ngày 26/9/2025)</b>																	
1	Dịch vụ tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú	130.000 đồng/tháng	130.000	130.000	130.000	130.000	130.000	130.000	130.000	130.000	130.000	130.000	130.000	130.000	130.000	130.000		
2	Dịch vụ sử dụng máy lạnh của lớp học có máy lạnh	28.500 đồng/tháng	28.500	28.500	28.500	28.500	28.500	28.500	28.500	28.500	28.500	28.500	28.500	28.500	28.500	28.500		
3	Dịch vụ tiện ích ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số (Giải pháp quản lý trường học thông minh, an toàn, P4 học trực tuyến...)	56.000 đồng/tháng	56.000	56.000	56.000	56.000	56.000	56.000	56.000	56.000	56.000	56.000	56.000	56.000	56.000	56.000		
II	<b>Các khoản thu dịch vụ khác trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo (theo phụ lục 2 đính kèm công văn 1568/UBND-VHXH ngày 26/9/2025)</b>																	
A	<b>Các khoản thu tổ chức chương trình nhà trường:</b>																	
1	Tiền tổ chức các lớp học theo Đề án "Nâng cao năng lực, kỹ năng thực, kỹ năng ứng dụng Tin học cho học sinh phổ thông Thành phố Hồ Chí Minh theo định hướng chuẩn quốc tế, giai đoạn 2021-2030" (TC3)	170.000 đồng/tháng	170.000	170.000	170.000	170.000	170.000	170.000	170.000	170.000	170.000	170.000	170.000	170.000	170.000	170.000		
2	Tiền tổ chức dạy tăng cường Ngoại ngữ	69.000 đồng/tháng	-	69.000	-	69.000	-	69.000	-	69.000	-	69.000	-	69.000	-	69.000		
3	Tiền tổ chức học Ngoại ngữ với người nước ngoài (2 tiết/tuần)	230.000 đồng/tháng	-	230.000	-	230.000	-	230.000	-	230.000	-	230.000	-	230.000	-	230.000		
4	Tiền tổ chức các lớp học theo Đề án "Đạy và học các môn Toán, Khoa học và Tiếng anh tích hợp Chương trình Anh và Việt Nam"	3.600.000 đồng/tháng	CMHS sẽ chuyển khoản cho EM-G: 3.600.000 đồng x 3 tháng = 10.800.000 đồng/quý; 1 năm học đóng 3 lần vào các tháng 9/2025, tháng 12/2025 và tháng 3/2026															
5	Tiền tổ chức dạy các lớp năng khiếu, nghệ thuật, thể dục tư chon, cầu lạc bộ (Bóng đá, bóng chuyền, đá cầu...)	69.000 đồng/tháng	69.000	69.000	69.000	69.000	69.000	69.000	69.000	69.000	69.000	69.000	69.000	69.000	69.000	69.000		
6	Tiền tổ chức dạy Kỹ năng sống	80.000 đồng/tháng	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000		
7	Tiền tổ chức Giáo dục Stem (Học 1 tiết/tuần)	90.000 đồng/tháng	90.000	90.000	90.000	90.000	90.000	90.000	90.000	90.000	90.000	90.000	90.000	90.000	90.000	90.000		
B	<b>Các khoản thu tổ chức dịch vụ khác cho cá nhân học sinh:</b>																	
1	Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú	170.000 đồng/năm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
2	Tiền học phẩm - học cụ - học liệu/Học phẩm (Giấy kiểm tra - Đề kiểm tra)	50.000 đồng/năm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
3	Tiền học phẩm - học cụ - học liệu/Học phẩm (Giấy kiểm tra - Đề kiểm tra)	35.000 đồng/ngày	595.000	595.000	595.000	595.000	595.000	595.000	595.000	595.000	595.000	595.000	595.000	595.000	595.000	595.000		
4	Tiền nước uống	17.000 đồng/tháng	17.000	17.000	17.000	17.000	17.000	17.000	17.000	17.000	17.000	17.000	17.000	17.000	17.000	17.000		
5	Tiền Bảo hiểm y tế học sinh: <b>Mức giá đã được nhà nước hỗ trợ 50%. Giá trị sử dụng 1/1/2026 đến 31/12/2026)</b>	631.800 đồng/năm	631.800	631.800	631.800	631.800	631.800	631.800	631.800	631.800	631.800	631.800	631.800	631.800	631.800	631.800		
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>1.867.300</b>	<b>2.166.300</b>	<b>2.097.300</b>	<b>1.142.300</b>	<b>1.615.500</b>	<b>1.914.500</b>	<b>1.845.500</b>	<b>510.500</b>	<b>1.355.500</b>	<b>1.654.500</b>	<b>1.585.500</b>	<b>560.500</b>	<b>1.200.500</b>	<b>1.499.500</b>	<b>1.430.500</b>	<b>510.500</b>

Ghi chú:

Thiết bị vật dụng bán trú: Thu cả năm - Thu vào tháng 10/2025

Học phẩm (Giấy thi, đề kiểm tra, đề th): Thu cả năm - Thu vào tháng 11/2025

Các mục sẽ thay đổi cụ thể như sau:

- Tiền học các chương trình Kỹ năng sống, STEM, năng khiếu, tiếng Anh với Giáo viên nước ngoài sẽ được điều chỉnh tùy theo thực tế học (ví dụ: Nghỉ để thi kiểm tra học kỳ 1)
- Số tiền suất ăn trên kế hoạch là số ngày dự kiến và sẽ được điều chỉnh tùy theo tình hình thực tế hàng tháng

